

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM, NHÌN TỪ GÓC ĐỘ XÃ HỘI

HOÀNG NAM

Nước Việt Nam có 54 dân tộc ⁽¹⁾. Mỗi dân tộc thường có tiếng nói riêng của dân tộc mình. Tiếng nói các dân tộc thuộc về 8 nhóm ngôn ngữ khác nhau:

- Nhóm Việt - Mường, gồm 4 dân tộc.
- Nhóm Tày- Thái, gồm 8 dân tộc.
- Nhóm Môn-Khmer, gồm 21 dân tộc.
- Nhóm Kadai, gồm 4 dân tộc.
- Nhóm Mông-Đao, gồm 3 dân tộc.
- Nhóm Nam đảo, gồm 5 dân tộc.
- Nhóm Hán, gồm 3 dân tộc.
- Nhóm Tạng- Miến, gồm 6 dân tộc.

Các dân tộc có số lượng cư dân khác nhau. Người Kinh (Việt) chiếm đa số tuyệt đối, với số dân là 65 triệu người, chiếm tỉ lệ 85,65% dân số cả nước. 53 dân tộc còn lại là các dân tộc thiểu số, với tổng số dân khoảng 11 triệu người, chiếm 14,35% dân số cả nước ⁽²⁾. Trong số này có 5 dân tộc có dân số trên 1 triệu người, 12 dân tộc có dân số trên 100 nghìn người, 17 dân tộc có dân số trên 10 nghìn người, 14 dân tộc có dân số trên 1 nghìn người, và 5 dân tộc có số dân dưới 1 nghìn người. Số lượng người khác nhau cho nên phạm vi sử dụng ngôn ngữ và khả năng bảo tồn khác nhau. Hàng chục dân tộc có dân số ít, do đó tiếng mẹ đẻ chỉ được sử dụng trong gia đình đang chịu sức ép của ngôn ngữ thông dụng trong vùng dẫn đến thay thế tiếng mẹ đẻ bằng ngôn ngữ khác trong giao tiếp xã hội.

Đặc điểm cư trú của các dân tộc thiểu số Việt Nam là sống tập trung ở miền núi Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, miền núi các tỉnh Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ. Chỉ có dân tộc Chăm và Khmer là sống ở đồng bằng và ven biển ⁽³⁾. Không chỉ sống ở miền núi mà đồng bào còn sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Những nơi này thường là đường giao thông ít phát triển, do đó rất khó khăn trong việc phát triển kinh tế, và kèm theo đó là hạn chế việc giao tiếp xã hội, cho nên nhịp độ phát triển của ngôn ngữ dân tộc cũng bị hạn chế, ngôn ngữ dân tộc phát triển chậm chạp, không theo kịp với nhịp độ phát triển kinh tế, nhất là kinh tế hàng hoá.

¹ Theo Tổng cục thống kê, 1979

² Lấy tròn số

³ Dân tộc Hoa, ngoài số người sống rải rác ở biên giới Việt Trung, còn có số lượng đông sống ở TP. Hồ Chí Minh

Các dân tộc Việt Nam, từ trong lịch sử xa xưa đã sống xen kẽ với nhau, giao tiếp giao lưu hàng ngày trong lao động, trong sinh hoạt đời thường, trong hoạt động văn hoá, văn nghệ. Sự giao tiếp, giao lưu này đã trực tiếp tác động vào ngôn ngữ dân tộc, cho nên hầu hết người dân tộc, ngoài tiếng mẹ đẻ, còn phải sử dụng thành thạo thêm một hai thứ tiếng dân tộc khác. Thứ tiếng nào cũng thành thạo như tiếng mẹ đẻ. Trong ngôn ngữ hiện nay của nhiều dân tộc, thường vay mượn ngôn ngữ của dân tộc có vị thế cao hơn ở trong vùng.

Một hiện tượng phổ biến chung của hầu hết các quốc gia trên thế giới là đường biên giới quốc gia thường cắt ngang lãnh thổ tộc người, do đó, dọc biên giới thường có nhiều dân tộc cư trú, và bên kia biên giới là những người đồng tộc của họ. Nước ta cũng nằm trong tình trạng đó, đại đa số các dân tộc ở nước ta sống ở biên giới Việt- Trung, Việt- Lào và Việt- Campuchia, và bên kia giới là những người đồng tộc và dân tộc của nhau. Với quan niệm của dân, quan hệ đồng tộc và thân tộc qua biên giới được coi là tự nhiên và bình thường, còn với quốc gia có chủ quyền thì mối quan hệ này cần được làm rõ trên cơ sở luật pháp của hai nước. Mối quan hệ này dẫn đến một số vùng biên, ngoài tiếng dân tộc, tiếng Việt, đồng bào còn biết cả tiếng phổ thông của nước láng giềng như Trung Quốc (tiếng Bắc Kinh), tiếng Lào, tiếng Khmer. Họ có thể giao dịch một cách tự nhiên với bạn láng giềng.

Các dân tộc thiểu số Việt Nam có trình độ phát triển không đồng đều. Như chúng ta đã biết, một trong buổi đầu của lịch sử nhân loại, con người sống du cư, lang thang kiếm của cải sẵn có trong tự nhiên để sinh sống. Bước tiến quan trọng của loài người là biết sản xuất và ổn định được đời sống nên họ sống định cư. Đối chiếu vào các dân tộc ở Việt Nam, chúng ta thấy, đa số các dân tộc sống du cư; nhiều vùng dân tộc đã hình thành chợ phiên, họp năm ngày một phiên để trao đổi, mua bán những thứ cần dùng, cần bán... bước đầu hình thành thị trường khu vực, song cũng còn nhiều vùng dân tộc, nhất là ở những vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hầu như rất khó khăn trong việc tìm nơi để mua, bán những thứ cần cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Sự trì trệ của kinh tế cũng tác động lên sự phát triển của ngôn ngữ dân tộc: vốn từ ngữ cơ bản của ngôn ngữ dân tộc được củng cố, duy trì, nhưng nhìn tổng thể, ngôn ngữ ít phát triển và không có cơ hội nâng lên bắt nhịp với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất.

Những yếu tố khách quan trên ảnh hưởng đến sự phát triển của ngôn ngữ dân tộc, và nó được thể hiện ngay trong bản thân của ngôn ngữ. Trong tiếng nói của các dân tộc, số lượng tiếng nói phát triển lên trình độ có chữ viết còn chưa chiếm đa số, mà đa số tiếng nói là chưa có chữ viết. Chữ viết dân tộc chỉ xuất hiện ở các dân tộc có trình độ phát triển kinh tế - xã hội tương đối cao, có nhiều người có trình độ học vấn khá, từ đó họ cải biên chữ họ đã học được thành chữ của dân tộc mình. Trong quá trình cải biên, họ vừa chú ý đến hình thái, nét chữ, lại vừa chú ý ngữ âm và ngữ nghĩa. Chữ viết các dân tộc đã chứng tỏ sức sống không chỉ qua người dân tộc dùng nó để ghi chép bài văn tự, ghi gia phả, văn tự về mua bán ruộng đất, làm giấy

chúng nhận kết hôn khai sinh...mà thế nữa, các tác giả người dân tộc dùng nó để làm phương tiện sáng tạo văn học. Những áng văn chương cổ của các dân tộc được lưu truyền đến hiện nay đã nói lên sự phát triển vững vàng của chữ viết dân tộc trong lịch sử.

Chữ viết các dân tộc nước ta được cải biên từ một số chữ gốc khác nhau. Trước thời thực dân Pháp xâm lược, ở Việt Bắc, một số dân tộc có chữ Nôm, như Nôm Tày, Nôm Nùng, Nôm Dao...Nôm có nghĩa là Nam, ở đây có nghĩa là chữ Nho phương Nam. Các chữ Nôm này tồn tại và được sử dụng nhiều thế kỷ trong dân gian. Ở Tây Bắc dân tộc Thái vốn đã tiếp nhận hệ chữ Phạn của đạo Phật và cải biến thành chữ Thái cổ mà ngày nay chúng ta thấy trên các văn bản cổ. Dân tộc Hoa vốn dùng chữ Hán, dân tộc Khmer dùng chữ Campuchia, còn dân tộc Chăm từ lâu đã có chữ riêng của dân tộc mình.

Sau khi thực dân Pháp sang xâm lược, trước nhu cầu về tìm hiểu, nghiên cứu văn hoá- xã hội các dân tộc phục vụ cho ý đồ của chúng, người Pháp đã xây dựng chữ viết cho một số dân tộc có số lượng dân cư đông và có vị thế xã hội ở Tây Nguyên. Chữ các dân tộc ở đây, được xây dựng trên cơ sở chữ La tinh. Loại chữ này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Vào đầu thế kỷ XX một số trí thức Tày, Nùng đã dùng chữ cái La tinh để ghi lại những sáng tác văn học của mình nhưng việc làm này chưa được phổ biến.

Sau năm 1954, đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp, cũng đã xây dựng thêm chữ dân tộc cho một số dân tộc ở Tây Nguyên và dọc Trường Sơn, nhưng hầu như các chữ này không phát huy được tác dụng.

Cùng với sự nghiệp cách mạng của cả nước, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến tiếng nói và chữ viết các dân tộc. Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã ghi: " Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói và chữ viết, gìn giữ bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình" (1). Trên cơ sở khẳng định tính nguyên tắc của Hiến pháp, Luật tổ chức Toà án Nhân dân cũng ghi rõ: " Toà án bảo đảm cho người tham gia tố tụng quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước toà án" (2). Luật phổ cập giáo dục tiểu học cũng ghi: " Các dân tộc thiểu số có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng tiếng Việt để giáo dục tiểu học" (3). Luật báo chí, luật xuất bản cũng cho phép thực hiện bằng tiếng nói và chữ viết các dân tộc thiểu số. Gần đây, nghị quyết TW V khoá VIII cũng nêu rõ: " Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Phát hiện bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm nghiên cứu văn hoá, văn

¹ Hiến pháp nước cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1992, điều 5.

² Luật tổ chức toà án nhân dân, 1992, điều 10.

³ Luật phổ cập giáo dục tiểu học, 1991, điều 4.

học nghệ thuật là người dân tộc thiểu số." ⁽¹⁾ Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với tiếng nói và chữ viết dân tộc được thể hiện qua việc xây dựng bộ chữ dân tộc cho nhiều dân tộc khác trên cơ sở của bộ chữ La tinh, như bộ chữ Tày, Nùng, Hmông, Thái, ... Nhiều bộ chữ đã được đưa vào làm phương tiện dạy ở các trường tiểu học; một số bộ chữ đang được hoàn chỉnh thêm để đưa vào dạy học.

Thực hiện chính sách và pháp luật của Nhà nước, các báo nói, báo hình, báo viết và nhà xuất bản ở vùng dân tộc đều sử dụng tiếng nói và chữ viết dân tộc, trong đó nhà xuất bản "Văn hoá dân tộc" là nơi sử dụng tập trung chữ viết dân tộc. Thực hiện chức năng của mình, nhằm bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc, nhà xuất bản Văn hoá dân tộc có phương án xuất bản bằng chữ dân tộc. Những năm qua cùng với việc các nhà xuất bản khác đã xuất bản các cuốn từ điển như: Từ điển Tày, Nùng - Việt, Việt - Nùng, Nùng; Từ điển Mèo - Việt; Từ điển Thái - Việt; Từ điển Chăm - Việt; Từ điển Gia rai - Việt, Việt - Gia rai. Nhà xuất bản văn hoá dân tộc cũng đã xuất bản từ điển Việt - Mông và đang xúc tiến biên tập để xuất bản từ điển Khmer - Việt.

Bên cạnh hàng loạt từ điển đã xuất bản, bạn đọc cũng được chứng kiến nhiều tác phẩm văn học dân gian của các dân tộc từ mọi miền được văn bản hoá, được ghi lại bằng tiếng dân tộc và dịch ra tiếng Việt. Thông thường, đó là những áng văn vần có nội dung liên quan đến luật tục, sử thi, trường ca, truyện thơ, dân ca, ca dao, tục ngữ, thành ngữ... Kết quả xuất bản theo hướng này, chúng ta có sách song ngữ của các thứ tiếng: Tày - Việt, Thái - Việt, Nùng - Việt, Mường - Việt, Sán diu - Việt, Dao - Việt, Hmông - Việt, Êđê - Việt, Giarai - Việt, Chăm - Việt, Khmer - Việt... Hai năm qua, nhà xuất bản Văn hoá dân tộc còn xuất bản sách đọc thêm bằng tiếng Khmer, tiếng Hoa cho học sinh bậc tiểu học ở các dân tộc trên.

Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc trong nhiều năm qua còn xuất bản một số sáng tác mới bằng tiếng dân tộc như tiếng Tày, tiếng Giáy, tiếng Hmông, tiếng Dao... Những sáng tác này chủ yếu là thơ. Thực hiện chức năng của mình nhà xuất bản dân tộc cũng đã in nhiều ấn phẩm bằng tiếng dân tộc nhằm tuyên truyền về chính sách dân tộc của Đảng, giới thiệu về pháp luật của nhà nước, tuyên truyền về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất để làm giàu cho gia đình, cho cộng đồng, đồng thời cũng tuyên truyền về nếp sống văn minh gia đình văn hoá, đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội ở vùng dân tộc.

Trên cơ sở những thành tựu trong xuất bản chữ dân tộc như trên, nhà xuất bản Văn hoá dân tộc chủ trương mở rộng việc xuất bản bằng tiếng dân tộc theo các chủ đề: Từ điển đối chiếu song ngữ, tiếng nói dân tộc - tiếng Việt và ngược lại; tiếp tục chủ đề: Văn bản hoá văn học dân gian các dân tộc như luật tục, sử thi, trường ca, tục ngữ, thành ngữ, dân ca, ca dao, đồng dao, câu đối; chủ đề sáng tác mới bằng chữ

¹ Nghị quyết quốc hội lần thứ 5. Ban chấp hành Trung Ương khoá VIII, về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

dân tộc, có nội dung liên quan đến miền núi và dân tộc, sử dụng hình tượng nghệ thuật dân tộc; chủ đề nâng cao dân trí cho đồng bào các dân tộc thông qua việc tuyên truyền những kiến thức về pháp luật, về khoa học và công nghệ, về bài trừ hủ tục, chống các tệ nạn xã hội. Đặc biệt là cần tuyên truyền về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, luôn quan tâm, ưu ái và tạo mọi điều kiện cho các dân tộc phát triển. Loại sách nâng cao dân trí cho đồng bào cần được lựa chọn hình thức xuất bản cho phù hợp, cụ thể là sách cần mỏng nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, có chữ dân tộc, có tranh minh họa với màu sắc đẹp, phù hợp với thị hiếu dân tộc.

Chúng ta nhận thức rằng, tiếng nói và chữ viết của đồng bào các dân tộc là sản phẩm văn hóa tinh thần, là tinh hoa của dân tộc, do chính dân tộc đó sáng tạo ra trong quá trình ứng xử với tự nhiên và xã hội suốt chặng đường dài lịch sử tồn tại và phát triển. Ngày nay, tiếng nói và chữ viết của các dân tộc có vị trí khác nhau trong cuộc sống hiện đại. Tiếng nói của các dân tộc có số lượng dân cư tương đối đông, hàng trăm nghìn người trở lên, từ lâu đã trở thành ngôn ngữ vùng, như vùng Việt Bắc có tiếng Tày, tiếng Nùng, vùng Tây Bắc có tiếng Thái..., thì phát triển bình thường. Song nhiều dân tộc có số lượng dân cư khoảng vài nghìn người thì xuất hiện khả năng ngôn ngữ của họ ngày càng bị hạn chế về phạm vi sử dụng. Tiếng nói của những dân tộc này chỉ dùng để giao tiếp trong cộng đồng dân tộc mình, thậm chí chỉ dùng trong gia đình. Trong giao tiếp ngoài dân tộc mình, họ phải dùng tiếng nói phổ biến của vùng. Từ sự hạn chế trong phạm vi sử dụng dẫn đến không phát triển cũng là một qui luật, một tất yếu khách quan khó có thể cưỡng lại được. Lịch sử ngôn ngữ thế giới đã có nhiều dẫn chứng về các ngôn ngữ đã từng giữ vai trò rất lớn trong lịch sử, nhưng nay đã trở thành tử ngữ, đó là tiếng La tinh, tiếng Hy Lạp cổ, tiếng Ahom (Ấn Độ)... Như vậy, khách quan mà nói, chúng ta cần nhìn nhận rằng, trong tương lai, tiếng nói của một số dân tộc có khả năng sẽ trở thành tử ngữ, sau khi hoàn thành sứ mạng của mình.

Ngôn ngữ là đặc trưng quan trọng để xác định, phân biệt sự khác nhau giữa các dân tộc; nó góp phần khẳng định, định vị văn hoá tộc người trong lịch sử. Giá trị sử dụng của ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số trong tương lai có thể rồi sẽ giảm đi, nhưng giá trị lịch sử của nó là vĩnh cửu. Bảo tồn ngôn ngữ dân tộc là bảo tồn kho báu vô giá của văn hoá các dân tộc thiểu số, của quốc gia, và cũng là bảo tồn di sản của văn hoá của nhân loại. Nhà xuất bản văn hoá dân tộc với chức năng và trách nhiệm của mình trước lịch sử, đang xuất bản vốn cổ văn hoá dân tộc và ấn phẩm nâng cao dân trí cho đồng bào bằng tiếng dân tộc là việc làm tích cực, cần thiết, góp phần lưu giữ ngôn ngữ dân tộc, theo định hướng Nghị quyết hội nghị lần thứ năm của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khoá VIII, về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhằm bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc.